TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:**23** /2017/HNGĐ - ST
Ngày: 26/9/2017
V/v: "Ly hôn, và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hưng Quang
2. Ông Nguyễn Trọng Di

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc: *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm T, sinh năm 1977
Địa chỉ: xóm 08, thôn H, xã C, huyện T, tỉnh B.
Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1981
Nơi cư trú cuối cùng: xóm 08, thôn H, xã C, huyện T, tỉnh B.
Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm T trình bày: Ông và bà Lê Thị T chung sống với nhau vào năm 2001 đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đ. Năm 2001 bà T theo ông về tỉnh Đ sinh sống được vài năm thì vợ chồng ông quay trở về C. Ông làm nghề biển cho đến năm 2015, sau nhiều ngày ngoài biển trở về thì ông phát hiện bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, Ông đã tha thứ nhưng bà T vẫn nhất quyết bỏ đi theo người đàn ông khác từ đó cho đến nay không trở về địa phương.

Hiện nay, Ông đã tìm đủ mọi cách để liên lạc nhưng cũng không biết bà T đang ở đâu, làm gì. Ông đã làm đơn gửi Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong để yêu cầu: "*Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú*" theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã thụ lý và ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 12/QĐ - VDS ngày 20/12/2016.

Về con chung: vợ chồng ông có 04 con chung là Phạm Lê T, sinh ngày: 21/11/2001; Phạm Lê T, sinh ngày 10/7/2003; Phạm Lê N, sinh ngày 11/8/2005 và Phạm Lê Ngọc Q, sinh ngày 16/4/2007. Hiện nay các cháu đang ở với ông. Nguyện vọng của ông là được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi trưởng thành, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai.

Đối với bị đơn bà Lê Thị T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà Lê Thị T theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng vẫn không liên lạc được với bà T, tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà ông Phạm T đối với bà Lê Thị T, đề nghị HĐXX giao các cháu Phạm Lê T, Phạm Lê T, Phạm Lê N và Phạm Lê Ngọc Q cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do không biết nơi cư trú hiện nay của bà Lê Thị T, ông Phạm T đã đăng thông báo tìm kiếm bà T trên báo và Đài truyền hình Trung ương theo Thông báo tìm kiếm ngày 20/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong. Căn cứ vào Quyết

định giải quyết Việc dân sự số 12/2016/QĐST - VDS ngày 20/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong. Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của bà Lê Thị T là xóm 08, thôn H, xã C, huyện T, tỉnh B. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Lê Thị T, tính đến thời điểm xét xử đã hơn bốn tháng kể từ ngày đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng bà T vẫn không liên hệ với ông Phạm T hay Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong để giải quyết vụ việc. Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã triệu tập hợp lệ đối với bà T nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Phạm T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Do bà T có quan hệ với người đàn ông khác, bà T đã bỏ ông và các con đi từ năm 2015 đến nay không có liên hệ gì, không quan tâm gì đến tình trạng hôn nhân. Nên mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của vợ chồng đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà T.

[3] Về con chung: Ông T và bà T có 04 con chung, Phạm Lê T, sinh ngày 21/11/2001; Phạm Lê T, sinh ngày10/7/2003; Phạm Lê N, sinh ngày 11/8/2005 và Phạm Lê Ngọc Q, sinh ngày 16/4/200. Hiện nay các cháu đang ở với ông T và các cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở với ông. Nên Hội đồng xét xử giao các cháu T, T, N và Q cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản gì và không nợ ai nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì ông T là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 53; Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm T đối với bà Lê Thị T, ông Phạm T được ly hôn với bà Lê Thị T.

Về con chung: Giao cho ông Phạm T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc 04 con chung là Phạm Lê T, sinh ngày: 21/11/2001; Phạm Lê T, sinh ngày 10/7/2003; Phạm Lê N, sinh ngày 11/8/2005; Phạm Lê Ngọc Q, sinh ngày 16/4/2007 cho đến khi trưởng thành. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T không được cản trở bà T quyền thăm con.

Về án phí: Ông Phạm T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Ông T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0013872 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, ông T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2017), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã B;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Trí